TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2023.
V/v tranh chấp " Ly hôn giữa chị Lê Thị L với anh Phạm Văn L1".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Thanh Huỳnh .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thọ.

2. Bà Nguyễn Thị Huệ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Mỹ Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2023/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 2003. (có mặt)

Địa chỉ ấp T, xã T, huyện C, TP ..

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn L1, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ ấp T, xã T, huyện C, TP ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 18 tháng 7 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày: Do quen biết và tự tìm hiểu nhau, chị và anh Phạm Văn L1 tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, TP .. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung Phạm Thị Lệ H, sinh năm 2003, đã trưởng thành và cháu Phạm Văn T, sinh ngày 17/5/2009, hiện cháu T đang sống cùng với chị. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ, chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vả dẫn đến tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, hiện tại

không ai quan tâm đến ai, vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay không hàn gắn được. Nay, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L1.

- Về con chung và nuôi con chung: Cháu Phạm Thị Lệ H, sinh năm 2003 đã trưởng thành, riêng cháu Phạm Văn T, sinh ngày 17/5/2009 chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu đến tuổi trưởng thành, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Do anh Phạm Văn L1 vắng mặt nên chị đồng ý tách ra giải quyết thành vụ kiện khác nếu phát sinh tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Văn L1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng dân sự*: Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị L thì quan hệ tranh chấp của vụ án là " Ly hôn ". Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Bị đơn anh Phạm Văn L1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, có căn cứ xét xử vắng mặt anh L1.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị L và anh L1 là hợp pháp. Anh, chị tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ, chồng cũng có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, có cở sở xác định hôn nhân giữa chị L và anh L1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L, cho chị được ly hôn với anh L1 là phù hợp.

[3] *Về con chung và nuôi con chung*: Vợ, chồng có 02 con chung Phạm Thị Lệ H, sinh năm 2003, đã trưởng thành và cháu Phạm Văn T, sinh ngày 17/5/2009. Hiện tại, cháu T đang sống cùng với chị nên cần giao cháu T cho chị tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Công nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh L1, không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, anh L1 không được lạm dụng việc thăm nom để

cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh L1.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung*: Do anh L1 vắng mặt nên cần tách ra giải quyết thành một vụ kiện khác nếu phát sinh tranh chấp là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải nộp 300.000đồng án phí theo mục 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Thị L. Cho ly hôn giữa chị L và anh Phạm Văn L1.

2. *Về con chung và nuôi con chung*: Vợ, chồng có 02 con chung Phạm Thị Lệ H, sinh năm 2003, đã trưởng thành và cháu Phạm Văn T, sinh ngày 17/5/2009. Giao cháu T cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Công nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh L1, không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, anh L1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh L1.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung*: Tách ra giải quyết thành một vụ kiện khác nếu các đương sự phát sinh tranh chấp.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009682 ngày 15 tháng 12 năm 2022 thành tiền án phí.

Phiên tòa xét xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Thới Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Đào Thanh Huỳnh